

Bản án số: **06/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-01-2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thanh Nguyên
- Ông Quách Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2022/ TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1960 (có mặt);
- Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Văn S trình bày và yêu cầu như sau:*

Ông và bà Trần Thị L chung sống với nhau vào năm 1989 âm lịch, không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống ông và bà Trần Thị L có 03 người con chung tên: Huỳnh Chí Nh, sinh ngày 02/9/1990, Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày

12/12/1993 và Huỳnh Thị Huyền Ch, sinh sinh ngày 30/3/2001 hiện nay đã thành niên; về tài sản chung, ông và bà Trần Thị L có 04 diện tích đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất các số: BY 083300, thửa đất số: 136A, tờ bản đồ: 8, diện tích 1.944 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; số: BY 083301, thửa đất số: 127, tờ bản đồ: 8, diện tích 25.242 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; số: BD 779824, thửa đất số: 105, tờ bản đồ: 2-4, diện tích 19.627 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; số: BD 779825, thửa đất số 104, tờ bản đồ: 2-4, diện tích 5.316 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang ông và bà Trần Thị L tự thỏa thuận, không có tranh chấp; về nợ, ông cam kết không có nợ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà Trần Thị L có mối quan hệ với người đàn ông khác thường xuyên liên lạc qua điện thoại và tự ý sử dụng tiền bạc không rõ ràng, không cho ông hay biết, ngoài ra còn tác động con cái trong gia đình ghét bỏ cha, từ đó ông đã sống ly thân với bà Trần Thị L từ năm 2014 đến nay. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L. Về quan hệ con chung, khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết vì các con đã thành niên, trưởng thành. Về tài sản chung và nợ, ông và bà Trần Thị L không có tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung và ông cam kết không có nợ, ông không yêu cầu giải quyết, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 21 tháng 11 năm 2022 và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 30/01/2023, bị đơn bà Trần Thị L trình bày như sau:*

Bà và ông Huỳnh Văn S chung sống với nhau vào ngày 06/12/1989 âm lịch, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước, thời gia chung sống hạnh phúc được một thời gian thì ông Huỳnh Văn S thay đổi tính tình thành một người khác hẳn, ghen tuông, ích kỷ và dùng những lời lẽ thô tục chửi mắng vợ con, đánh đập bà mang thương tích. Bà và ông Huỳnh Văn S có 02 diện tích đất nuôi tôm cua phát triển kinh tế gia đình, năm 2016 ông Huỳnh Văn S tự phân chia và sử dụng riêng 01 diện tích đất, có thu nhập sử dụng riêng, hoàn toàn không cho bà được sử dụng đến. Thời gian đầu con gái tên Huỳnh Thị Huyền Ch đi học đại học ông Huỳnh Văn S còn thực hiện trách nhiệm làm cha cho con ít tiền để con chi xài nhưng sau đó thì rút lại không cho nữa, cắt luôn phần chi tiêu cho vợ con. Cũng thời gian này ông Huỳnh Văn S kiếm chuyện đuổi bà ra khỏi

nhà, không cho bà và các con sinh sống chung, quá bức xúc, bà đến gặp ông Huỳnh Văn S nói chuyện thì ông Huỳnh Văn S chẳng những không nghe mà còn đánh đập bà. Nay ông Huỳnh Văn S yêu cầu được ly hôn với bà thì bà đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Văn S. Về tài sản, bà không yêu cầu giải quyết, bà và ông Huỳnh Văn S tự thỏa thuận. Về nợ không có nợ, bà không yêu cầu giải quyết. Bà bận công việc gia đình nên bà không tham gia phiên tòa được nên bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà và bà cam kết không yêu cầu giải quyết gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân Huỳnh Văn S, Trần Thị L và sổ hộ khẩu (Bản sao); Đơn xin xác nhận ngày 26/4/2022 của ông Huỳnh Văn S (Bản chính); Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2022 của ông Huỳnh Văn S (Bản chính); 03 Giấy khai sinh Huỳnh Chí Nh, sinh ngày 02/9/1990, Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/1993 và Huỳnh Thị Huyền Ch, sinh ngày 30/3/2001 (Bản sao); 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất các số: BY 083300, thửa đất số: 136A, tờ bản đồ: 8, diện tích 1.944 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; số: BY 083301, thửa đất số: 127, tờ bản đồ: 8, diện tích 25.242 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; số: BĐ 779824, thửa đất số: 105, tờ bản đồ: 2-4, diện tích 19.627 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; số: BĐ 779825, thửa đất số 104, tờ bản đồ: 2-4, diện tích 5.316 mét vuông, địa chỉ: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 26/4/2022 của ông Huỳnh Văn S (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn S yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L. Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ, ông không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị L có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51,

Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông Huỳnh Văn S yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L, nhưng ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xử xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L không yêu cầu giải quyết về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn S yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị L. Nguyên đơn và bị đơn đều nơi cư trú tại: ấp 5BB, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị L biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc ông Huỳnh Văn S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà nhưng bà không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Trần Thị L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà Trần Thị L gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt bà. Đồng thời, tại phiên tòa ông Huỳnh Văn S không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L chung sống với nhau vào năm 1989, đến nay ông bà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi ông bà cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Huỳnh Văn S yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị L thì bà Trần Thị L đồng ý ly hôn nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L tự xác định, ông bà chung sống với nhau có 03 người con chung tên: Huỳnh Chí Nh, sinh ngày 02/9/1990, Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/1993 và Huỳnh Thị Huyền Ch, sinh ngày 30/3/2001 hiện nay đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L tự xác định, ông bà không có yêu cầu phân chia tài sản chung, tự thỏa thuận, không có tranh chấp, ông bà không có nợ người khác và người khác không có nợ ông bà, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L tự xác định có 03 người con chung tên: Huỳnh Chí Nh, sinh ngày 02/9/1990, Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12/12/1993 và Huỳnh Thị Huyền Ch, sinh ngày 30/3/2001 hiện nay đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Ông Huỳnh Văn S và bà Trần Thị L tự xác định, không có yêu cầu phân chia tài sản chung, tự thỏa thuận, không có tranh chấp, ông bà không có nợ người khác và người khác không có nợ ông bà, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003685 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Ông Huỳnh Văn S đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/01/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

Trần Văn Thảo